

Phụ lục V
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Vốn dự phòng ngân sách địa phương)

(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Dự phòng ngân sách địa phương trong Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025				Tỷ lệ dự phòng vốn ngân sách tỉnh	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:				
			Chi XDCB vốn tập trung	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	Vốn xố số kiến thiết		
	TỔNG SỐ	1,022,037	346,237	61,000	614,800	6.7%	
1	Công trình quốc phòng, an ninh cấp thiết	13,000	5,000	8,000	-	0.1%	
2	Sửa chữa, nâng cấp và các trường học cấp thiết	103,000	-	-	103,000	0.7%	
3	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các Phòng khám đa khoa	20,000	-	-	20,000	0.1%	
4	Thanh toán khối lượng hoàn thành và các công trình y tế cấp	40,000	-	-	40,000	0.3%	
5	Các công trình khoa học và công nghệ cấp thiết	3,000	3,000	-	-	0.0%	
6	Tu bổ các khu di tích lịch sử - văn hóa giai đoạn 2021 - 2025	25,000	10,000	5,000	10,000	0.2%	
7	Các công trình văn hóa, thông tin cấp thiết khác	20,000	5,000	-	15,000	0.1%	
8	Các công trình phát thanh, truyền hình, thông tấn cấp thiết	12,000	7,000	-	5,000	0.1%	
9	Các công trình thể dục, thể thao cấp thiết	24,000	6,000	8,000	10,000	0.2%	
10	Các công trình bảo vệ môi trường cấp thiết khác	19,500	-	-	19,500	0.1%	
11	Cải tạo, nâng cấp Hệ thống đê sông, đê biển ngăn triều cường, ngập mặn	40,000	10,000	10,000	20,000	0.3%	
12	Các công trình phòng chống hạn mặn, trữ ngọt	40,000	10,000	10,000	20,000	0.3%	
13	Các công trình nông nghiệp - thủy lợi cấp thiết khác và đối ứng các dự án ODA	41,800	19,800	2,000	20,000	0.3%	
14	Sửa chữa các công trình giao thông	220,000	50,000	-	170,000	1.4%	
15	Các cầu yếu trên các tuyến đường tỉnh và huyện	57,000	29,500	-	27,500	0.4%	
16	Đảm bảo an toàn giao thông	60,000	20,000	-	40,000	0.4%	
17	Đối ứng các dự án ODA, NSTW và các công trình giao thông cấp thiết khác	80,000	40,000	-	40,000	0.5%	
18	Các công trình hạ tầng công nghiệp cấp thiết	14,000	9,000	-	5,000	0.1%	
19	Các công trình hạ tầng thương mại cấp thiết	2,800	2,800	-	-	0.0%	
20	Các công trình cấp, thoát nước cấp thiết	5,000	-	-	5,000	0.0%	
21	Các công trình hạ tầng du lịch và làng nghề cấp thiết khác	10,000	5,000	-	5,000	0.1%	
22	Các công trình công nghệ thông tin cấp thiết	10,000	2,000	3,000	5,000	0.1%	
23	Các công trình công cộng tại đô thị cấp thiết	17,000	2,000	5,000	10,000	0.1%	
24	Hỗ trợ đầu tư trụ sở UBND và Hội trường cấp huyện, xã cấp thiết	60,000	55,000	5,000	-	0.4%	
25	Sửa chữa trụ sở cơ quan	45,000	40,000	5,000	-	0.3%	
26	Các công trình xã hội cấp thiết	10,000	5,000	-	5,000	0.1%	
27	Đối ứng các dự án, các chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia, NSTW và công trình cấp thiết khác	29,937	10,137	-	19,800	0.2%	